

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĂN GIANG
TỈNH HUNG YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 140/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12/11/2024

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN GIANG, TỈNH HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Huân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Quốc Doanh.

2. Ông Nguyễn Quyết Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thanh Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2024/QĐST-HNGĐ ngày 30/10/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1987

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến H1, sinh năm 1985

Cùng HKTT và hiện trú tại: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 09/8/2007

2. Cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 02/01/2013

Cùng HKTT và hiện trú tại: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Người giám hộ cho cháu L và cháu D là chị H, anh H1 là bố, mẹ đẻ của các cháu.

- Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1950.

HKTT: Thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Tiến H1 kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên vào ngày 06/12/2005. Sau khi đăng ký kết hôn anh chị

được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương sau đó anh chị về sống cùng anh H1 và gia đình anh H2 thôn N, xã T, huyện V. Sau khi sinh con đầu lòng vợ chồng anh chị ra ở riêng hai anh chị đều làm nông nghiệp, khi thì đi làm thuê tại làng N, cuộc sống kinh tế có khó khăn, vất vả do thu nhập từ công việc chỉ đủ chi tiêu, sinh hoạt. Anh chị chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn, từ khoảng năm 2007, sau khi chị H sinh con đầu lòng, anh H1 đã có quan hệ với người phụ nữ khác, không quan tâm tới gia đình, vợ con mặc cho khi đó chị đang nuôi con nhỏ. Vì việc này mà anh chị thường xuyên xảy ra cãi cọ, nhiều lần xô xát với nhau. Gia đình hai đã khuyên bảo, động viên thì anh H1 có thay đổi một chút, khi đó anh chị ổn định sinh sống. Đến khi chị H sinh con thứ hai thì anh H1 lại tiếp tục quan hệ với nhiều người phụ nữ khác, không chung thủy, những người phụ nữ anh Hải quan H3 đều là người ở xã khác nhưng cùng huyện V và gia đình hai bên đều biết. Mâu thuẫn giữa anh chị lại xảy ra, hai bên gia đình tiếp tục khuyên bảo động viên chị H khi đó suy nghĩ cho con nhỏ nên nhẫn nhịn chung sống, vợ chồng chung sống được một thời gian nhưng tình cảm không mặn nồng, anh chị chung sống chỉ vì con. Cách đây khoảng 5 năm, anh H1 tiếp tục có quan hệ với người phụ nữ khác là hàng xóm của gia đình anh chị. Chị đã cho anh H1 quá nhiều cơ hội để thay đổi, tuy nhiên anh H1 vẫn không thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh H1 không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H1.

Về con chung: Chị và anh H1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Thùy L sinh ngày 09/8/2007 và cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 02/01/2013. Hiện tại cả hai cháu L, D đều ở cùng với chị H và do chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, chăm sóc. Khi ly hôn, chị H tôn trọng nguyện vọng của các con nhưng có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu L. Bản thân chị chỉ có khả năng nuôi dưỡng một con, trường hợp cháu D cũng muốn ở cùng chị thì chị cũng đồng ý nuôi nhưng anh H1 phải cấp dưỡng phí tôn nuôi con chung cho chị.

Về tài sản chung, công nợ chung: Giữa chị và anh H1 không có tài sản chung, cũng không nợ ai, không ai nợ anh chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công sức đóng góp đối với hai bên gia đình: Giữa chị và anh H1 không có đóng góp gì nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về đất nông nghiệp, đất ở: Không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

Anh Nguyễn Tiến H1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không tới làm việc và không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Cháu Nguyễn Thùy L, trình bày: Bố đẻ cháu là Nguyễn Tiến H1, mẹ đẻ cháu là Nguyễn Thị H. Hiện cháu đang học lớp 12A7 Trường Trung học phổ thông T1, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

Hiện giờ cháu đang ở với mẹ, em trai và bà nội cháu tại nhà cháu ở thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Bố cháu đi ra ngoài không sống với mẹ cháu từ khoảng tháng 02/2024 đến nay, lâu lâu bố cháu mới về nhà. Trước đây khi bố mẹ cháu sống chung nhà cháu có thấy bố mẹ cháu hay cãi nhau, có khoảng thời gian bố mẹ cháu không ngủ chung, không nói chuyện với nhau. Bố cháu không ở nhà nhưng vẫn quan tâm cháu và em D.

Nay mẹ cháu có đơn xin ly hôn với bố cháu thì cháu có nguyện vọng ở với mẹ, vì cháu đã ở với mẹ từ nhỏ và mẹ cháu rất yêu thương và quan tâm cháu. Hơn nữa cháu là con gái nên cháu ở với mẹ sẽ tốt hơn. Quan điểm xin được ở với mẹ cháu là quan điểm cuối cùng của cháu.

Hiện tại cháu còn đi học, cháu không muốn đến Tòa án làm việc. Cháu đề nghị Tòa án cho cháu vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn của bố, mẹ cháu cho đến khi vụ án kết thúc.

Cháu Nguyễn Đức D, trình bày: Bố đẻ cháu là Nguyễn Tiến H1, mẹ đẻ cháu là Nguyễn Thị H. Hiện cháu đang học lớp 5A3 Trường Tiểu học T2, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên.

Hiện giờ cháu đang ở với mẹ, chị gái và bà nội cháu tại nhà cháu ở thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Bố cháu đi ra ngoài không sống với mẹ cháu từ khoảng tháng 02/2024 đến nay, lâu lâu bố cháu mới về nhà. Trước đây khi bố mẹ cháu sống chung nhà cháu có thấy bố mẹ cháu hay cãi nhau, có khoảng thời gian bố mẹ cháu không ngủ chung, không nói chuyện với nhau. Bố cháu không ở nhà nhưng vẫn quan tâm chị em.

Nay mẹ cháu có đơn xin ly hôn với bố cháu thì cháu có nguyện vọng ở với bố, vì cháu ở nhà cháu sống với bố mẹ và bà nội từ nhỏ, bố rất quan tâm và yêu thương cháu. Hơn nữa cháu hiện đang học ở Trường Tiểu học T2, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên gần nhà của cháu nên cháu ở với bố sẽ tiện cho việc học của cháu hơn. Quan điểm xin được ở với bố cháu là quan điểm cuối cùng của cháu.

Hiện tại cháu còn đi học, cháu không muốn đến Tòa án làm việc. Cháu đề nghị Tòa án cho cháu vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ việc ly hôn của bố, mẹ cháu cho đến khi vụ án kết thúc.

Những người làm chứng bà Nguyễn Thị L1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Tiến H1 và là mẹ chồng của chị Nguyễn Thị H bà được biết hiện chị H đang có đơn xin ly hôn với anh H1 tại Tòa án nhân dân huyện Văn Giang. Quan điểm của tôi như sau: Bà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng của Tòa án và đã báo cho anh Nguyễn Tiến H1 biết nhưng anh H1 không lên Tòa án làm việc. Anh H1 đã bỏ nhà đi từ tháng 10/2023 cho đến nay, anh H1 chỉ về nhà những dịp lễ tết còn lại anh H1 bỏ đi đâu thì gia đình không nắm được. Chị H và anh H1 trước khi kết hôn hai anh, chị có thời gian tự do tìm hiểu nhau sau đó đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên ngày 06/12/2005 được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 104. Sau khi chị H, anh H1 đăng K kết hôn thì gia đình hai bên chúng tôi tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương sau đó chị H, anh H1 sinh sống tại nhà bà tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Từ khi vợ chồng chị H, anh H1 kết hôn thì sống chung với gia đình bà, quá trình vợ chồng chị H sống không xảy ra mâu thuẫn gì vợ chồng vẫn vui vẻ hạnh phúc không có cãi vã. Tuy nhiên đến khoảng năm 2019 thì gia đình bà có phát hiện chị H có quan hệ với người đàn ông khác, khi đó hai bên gia đình

đều biết và đã nói chuyện với nhau để bỏ qua cho chị H để vợ chồng cùng chung sống. Vợ chồng chị H về chung sống hạnh phúc bình thường đến cuối năm 2022, anh H1 lại tiếp tục phát hiện chị H có quan hệ với người đàn ông khác và đã đi gặp mặt đánh người đàn ông đó. Sau sự việc đó thì chị H đã bỏ nhà đi nửa tháng, gia đình hai bên tiếp tục lên nói chuyện với nhau anh H1 cũng đồng ý tha thứ và hai vợ chồng lại chung sống bình thường. Anh H1 khi đó cũng có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Đến tháng 10/2023 anh H1 đã bỏ nhà đi còn chị H vẫn sống với gia đình bà cùng với cháu L và cháu D tại thôn N, xã T; hai vợ chồng anh H1, chị H cũng ly thân từ đó cho đến nay. Nay gia đình bà được biết chị H đang làm đơn xin ly hôn với anh H1 tại Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, quan điểm của gia đình bà vẫn muốn các con hoà giải, hàn gắn về cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái. Tuy nhiên trong trường hợp chị H cương quyết ly hôn với anh H1 không thể hàn gắn đoàn tụ với nhau được thì bà tôn trọng ý kiến của các con và cũng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Văn Giang giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung tên là Nguyễn Thùy L, sinh ngày 09/8/2007 và cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 02 /01/2013. Hiện cháu L và cháu D đang sống với chị H tại nhà bà. Bà có nguyện vọng không muốn chị H ly hôn ở lại gia đình tôi để chăm sóc các cháu, tuy nhiên trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn thì gia đình đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản, công nợ, đất đai của vợ chồng anh H1, chị H thì bà không nắm được.

Các tài liệu các bên đương sự cung cấp, cũng như nội dung xác minh của Tòa án tại UBND xã T cho thấy: Thống nhất như lời khai của chị H, bà L1.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Chị H vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt và không có yêu cầu thay đổi, bổ sung gì khác; anh H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

1. Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng Dân sự, vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 BLTTDS.

2. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 88 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Về quan hệ hôn nhân: Cần xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tiến H1.

- Về con chung: Cần xử giao cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 09/8/2007 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi); giao cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 02 /01/2013 cho anh H1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung: Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của anh H1, chị H đối với hai bên gia đình: Không đề nghị nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện xin giải quyết ly hôn và giải quyết về con chung do vậy căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đây là vụ án về Hôn nhân và gia đình, trong đó tranh chấp về ly hôn, nuôi con. Bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn N, xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm thuộc Tòa án nhân dân huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

[2]. Về thành phần người tham gia tố tụng: Thành phần người tham gia tố tụng đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng nguyên đơn đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, cùng người làm chứng đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án được đưa ra xét xử, đảm bảo quy định của pháp luật.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Qua tài liệu các bên cung cấp; Tòa án thu thập, xác minh cho thấy việc chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Tiến H1 kết hôn với nhau là tự nguyện, tự do tìm hiểu và có tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã T, huyện V, tỉnh Hưng Yên và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 104, ngày 06/12/2005. Do vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh H1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, đã được pháp luật công nhận. Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra nhiều bất đồng, mâu thuẫn trong thời gian dài, không có sự hòa hợp về quan điểm sống. Khi hai bên mâu thuẫn người thân, gia đình cũng đã tích cực động viên nhưng không cải thiện được, chị H và anh H1, sống ly thân nhau từ cuối năm 2023 cho đến nay, mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Quan điểm của chị H xin được ly hôn với anh H1 nên cần xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tiến H1.

[3.2]. Về con chung: Chị H và anh H1 cũng như lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và tài liệu Tòa án xác minh, thu thập xác định chị H và anh H1 có Nguyễn Thùy L, sinh ngày 09/8/2007 và cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 02 /01/2013. Ngoài ra, hai bên không nhận con nuôi hay có con riêng nào khác. Quan điểm của chị H xác định khi ly hôn, do điều kiện, hoàn cảnh của chị còn khó khăn nên chị H có quan điểm xin được nuôi cháu L và giao cháu D cho anh H1 nuôi dưỡng, chăm sóc. Nguyên vọng của cháu L xác định nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được tiếp tục ở với mẹ; nguyên vọng của cháu D xác định nếu bố mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được tiếp tục ở với bố. Xét thấy nguyên vọng của của các bên là chính đáng, phù hợp với điều kiện thực tế. Vì vậy, cần xử giao cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 09/8/2007 cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 12/11/2024 cho đến khi cháu Linh trưởng T (đủ 18 tuổi); giao cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 02/01/2013 cho anh H1 nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 12/11/2024 cho đến khi cháu D trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị H không yêu cầu anh H1 đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra giải quyết.

Sau khi ly hôn chị H, anh H1 có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3]. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Chị H khai nhận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không đặt ra giải quyết. Sau nếu anh H1 có yêu cầu Toà án giải quyết sẽ làm đơn đề nghị Toà án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[4]. Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; điểm a khoản 5

Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Điều luật áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 229, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Tiến H1.

3. Về nuôi con chung: Xử giao cháu Nguyễn Thùy L, sinh ngày 09/8/2007 cho chị H nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 12/11/2024 cho đến khi cháu Linh trưởng T (đủ 18 tuổi); Giao cháu Nguyễn Đức D, sinh ngày 02/01/2013 cho anh H1 nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ ngày 12/11/2024 cho đến khi cháu D trưởng thành (đủ 18 tuổi). Việc đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, không đặt ra giải quyết. Sau khi ly hôn chị H, anh H1 có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung; Công nợ chung của vợ chồng; Đất canh tác nông nghiệp 03 và công sức đóng góp của vợ chồng đối với hai bên gia đình: Không đặt ra giải quyết. Sau nếu anh H1 có yêu cầu Tòa án giải quyết sẽ làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn. Được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001326 ngày 01/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Giang, tỉnh Hưng Yên.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo phần nội dung bản án có liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND huyện Văn Giang;
- Cơ quan THADS huyện Văn Giang;
- UBND xã Tân Tiến, huyện Văn Giang;
(đăng ký số 104, ngày 06/12/2005);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Huấn